

Bản án số: 10/2023/KDTM-PT

Ngày 13 - 6 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang.

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Hoàng.

Ông Ninh Quang Thế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điện – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 và 13 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2023/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng”

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2022/KDTM-ST ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N5 (A1);

Địa chỉ: Số B, L, phường T, quận B, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông: Trịnh Ngọc K - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn N, sinh năm 1975 - Chức vụ Phó giám đốc Ngân hàng N5 – Chi nhánh huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt); Địa chỉ: Khóm I, Thị trấn T-huyện T

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn V – Chủ DNTN Dịch vụ xây dựng T4 đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Bé N1, sinh năm 1932; Địa chỉ cư trú: Ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo Ủy quyền của ông Nguyễn Bé N1: Ông Lê Minh C (có mặt).

Địa chỉ cư trú: số B N, phường E thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Nguyễn Hồng K1, sinh năm 1972 (có mặt).

- Nguyễn Hồng N2, sinh năm 1985 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

3. Nguyễn Minh K2, sinh năm 1973 (có mặt)

- Nguyễn Anh N3, sinh năm 1993 (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

4. Đặng Việt H sinh năm 1985.

Địa chỉ cư trú: Khóm I thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thanh V1 là bị đơn trong vụ án, Nguyễn Hồng K1, Nguyễn Hồng N2, Nguyễn Minh K2, Nguyễn Bé N1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người đại diện nguyên đơn Ngân hàng N5 trình bày:*

Ngày 15/01/2013 Ngân hàng N5 cho Doanh nghiệp tư nhân D vay số tiền 200.000.000đ, HĐ số KDKB 15/HĐTD với mục đích vay vốn mua xe tải phục vụ kinh doanh, xây dựng công trình xây dựng, san lấp mặt bằng, thời hạn vay là 36 tháng, bị đơn đã thanh toán cho Ngân hàng đến ngày 30/6/2013 còn nợ là 166.000.000 đồng. Bảo đảm tiền vay là Hợp đồng thế chấp tài sản số KH428/HĐTC ngày 11/12/2012 và KH 427/HĐTC ngày 26/11/2012.

Ngày 25/01/2013 Ngân hàng cho ông Nguyễn Văn V vay HĐ số KDKB 16/HĐTD số tiền 370.000.000đ, mục đích kinh doanh, vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng, thời hạn vay là 12 tháng bị đơn đã thanh toán cho Ngân hàng đến ngày 30/6/2019 còn nợ là 350.000.000 đồng. Bảo đảm tiền vay thực hiện theo hợp đồng thế chấp số 427KH/HĐTC ngày 26/11/2012.

Ngày 21/6/2013 Ngân hàng cho ông Nguyễn Văn V HĐ số KDKB 151/HĐTD vay số tiền 215.000.000đ vay với mục đích vay vốn mua xe tải phục vụ kinh doanh vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng, thời hạn là 36 tháng bị đơn đã thanh toán cho Ngân hàng đến ngày 30/6/2019 là 215.000.000 đồng; Bảo đảm tiền vay là Hợp đồng thế chấp tài sản số KH11061/HĐTC ngày 11/6/2013. Xe ô tô tải hiệu Vinaxuki do Nguyễn Văn V và Mã Xiếu Hón đồng sở hữu.

Biện pháp bảo đảm: Tổng giá trị 1.142.600.000 đồng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định, cụ thể tài sản thế chấp như sau:

Tài sản thứ nhất: 01 xe ô tô tải, nhãn hiệu: THACO; Giá trị hình thành từ vốn vay trong tương lai là: 249.000.000 đồng; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay ngày 10/12/2012, tình trạng thế chấp bảo đảm cho tất cả các hợp đồng tín dụng. Tình trạng đăng ký giao dịch bảo đảm, đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Tài sản thứ hai: Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số: KH 11061/HĐTC, ngày 11/6/2013, phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay ngày 11/6/2013. Loại tài sản thế chấp: Xe ô tô tải, nhãn hiệu VINAXUKI. Giá trị tài sản hình thành từ vốn vay trong tương lai là 359.000.000 đồng; Phạm vi bảo đảm: Mức dư nợ số tiền cho vay theo các hợp đồng tín dụng do

hai bên ký là: 220.000.000 đồng. Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay ngày 11/6/2013, tình trạng thế chấp bảo đảm cho tất cả các hợp đồng tín dụng.

Tài sản thứ ba: Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số: KH 427/HĐTC, ngày 26/11/2012, Loại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất diện tích 26.700 m², số phát hành: C 145798, giá trị tài sản 534.600.000 đồng, phạm vi bảo đảm 400.500.000 đồng. Tình trạng thế chấp bảo đảm cho tất cả các hợp đồng tín dụng; Tình trạng đăng ký giao dịch bảo đảm, đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Hợp đồng tín dụng số: KDKB 15/HĐTD ngày 15/01/2013 dư nợ đến 30/6/2019 là 166.000.000 đồng, lãi tạm tính đến ngày 30/6/2019 là 160.436.698 đồng.

Hợp đồng tín dụng số: KDKB 16/HĐTD ngày 25/01/2013 dư nợ đến 09/11/2022 là 350.000.000 đồng, lãi tạm tính đến ngày 09/11/2022 là 377.354.167 đồng.

Hợp đồng tín dụng số: KDKB 151/HĐTD ngày 21/06/2013 dư nợ đến 30/6/2019 là 215.000.000 đồng, lãi tạm tính đến ngày 30/6/2018 là 222.518.911 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu DNTN dịch vụ xây dựng D trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng, nhưng DNTN dịch vụ D cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng A1 yêu cầu DNTN xây dựng D phải trả cho Ngân hàng A1, số tiền 1.922.957.472 đồng (trong đó nợ gốc 731.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 09/11/2022 là 1.191.957.472 đồng) và tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến ngày trả xong nợ.

Đối với ông Nguyễn Bé N1 là bên thứ ba, tài sản để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho DNTN dịch vụ xây dựng D, trong trường hợp DNTN dịch vụ xây dựng D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A1- Chi nhánh huyện T, thì ông Nguyễn Bé N1 có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ trả thay cho DNTN dịch vụ xây dựng D, trong phạm vi bảo đảm tài sản gốc và lãi phát sinh theo phạm vi bảo đảm.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn V trình bày tại biên bản hòa giải và bản tự khai ngày 16/12/2019: Đồng ý trả vốn cho Ngân hàng còn lại phần lãi không đồng ý trả: Lý do, về trách nhiệm thanh toán nợ, xác định ông có ký 03 hợp đồng với số tiền vốn là 765.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày 30/6/2019 tính tổng cộng vốn và lãi là 1.416.561.304 đồng không đồng ý lý do: Vào tháng 02/2015 ông đã làm thủ tục phá sản doanh nghiệp thì đã chấm dứt hoạt động từ tháng 02/2015, ông đã gửi đơn thông báo việc phá sản cho A1, đồng thời Phòng Kinh Tế và Hạ T và Chi cục thuế huyện T cũng đã ra văn bản gửi A1 hoàn toàn không mời ông làm việc và cũng không thông báo bất cứ thông báo nào cho ông biết. Tại thời điểm xin phá sản DNTN dịch vụ xây dựng D có các tài sản sau: 01. Là căn nhà cất trên phần đất ông Nguyễn Bé N1, hiện nay bị sập hoàn toàn; 02 chiếc xe ô tô tải hiệu THACOFOTON, Biển kiểm soát 69C – 0016 chiếc xe này tôi thế chấp vay 200.000,000 đồng để bảo đảm vốn vay tại ngân hàng A1 Trần Văn T1 tại hợp đồng số: KDKB 15/HĐTD, ngày 15/01/2013, xe nay bán phế liệu; 03. Chiếc xe ô tô tải hiệu VINASUKI, Biển kiểm soát 69C – 00806 chiếc xe này tôi thế chấp vay 215.000.000 đồng để bảo đảm vốn vay tại ngân hàng A1 Trần Văn T1 tại hợp đồng*

số: KDKB 151/HĐTD, ngày 21/6/2013, xe nay bán phế liệu; Vào ngày 27/3/2015 Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời có công văn số: 145/CC.THA gửi Ngân hàng Agribank huyện A1, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của DNTN dịch vụ xây dựng D tại ngân hàng để thi hành án dân sự.

Việc liên quan đến giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của cha ông là ông Nguyễn Bé N1 cho ông mượn để thế chấp cho Ngân hàng A1 huyện Trần Văn T1. Theo hợp đồng thế chấp của bên thứ ba số: KH 427/HĐTC ngày 26/11/2012 do cha, mẹ ký thế chấp cho Ngân hàng là không đúng. Ông chỉ đưa cuốn sổ đỏ cho cán bộ ngân hàng, giúp làm thủ tục thế chấp vay vào tháng 2/2013 số tiền vay là 350.000.000 đồng, vào cuối tháng 6/2013, nhưng hợp đồng thế chấp ghi ngày 26/12/2012 là hoàn toàn sai; Riêng cha ông ký giấy Ủy quyền cho ông mượn sổ đỏ để thế chấp chứ cha, mẹ ông hoàn toàn không ký hợp đồng thế chấp sổ đỏ cho ngân hàng A1, nay ông xác định hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất gắn liền với đất của bên thứ 3 số: KH 427/HĐTC ngày 26/11/2012 có chữ ký và chữ viết mang tên (Nguyễn Bé N1 và Nguyễn Thị Đ ký thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ngân hàng A1 ngày 26/11/2012 là hợp đồng giả mạo.

* *Người đại diện ông Nguyễn Bé N1, ông Lê Minh C trình bày:* Yêu cầu HĐXX xem xét hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba, được ký kết số: KH 427/HĐTC ngày 26/11/2012 có chữ ký và chữ viết mang tên (Nguyễn Bé N1 và Nguyễn Thị Đ) ký thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hợp đồng giả mạo chữ ký và chữ viết của ông N1 và bà Đ.

- Về hình thức hợp đồng có vi phạm: Trong hợp đồng toàn bộ văn bản được đánh máy in ấn theo mẫu nhưng trong phần tiêu đề có bốn chữ ghi “của bên thứ ba”. Nội dung HĐ chỉ ghi nhận thế chấp “Quyền sử dụng đất” là mâu thuẫn với nhau vi phạm theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 318 Bộ luật dân sự.

- Thực tế bà Nguyễn Thị Đ (vợ ông Nguyễn Văn N4) bị bệnh nặng từ năm 2010 đến chết không ký được mà chỉ lăn tay, như vậy hợp đồng ngày 26/11/2012 chữ ký và chữ viết của bà Nguyễn Thị Đ là giả mạo.

- Hợp đồng thế chấp KH 427/HĐTC ngày 26/11/2012, xác định bên vay vốn là cá nhân của ông V chứ không phải là một tổ chức doanh nghiệp.

- Hợp đồng thế chấp số KH 427/HĐTC ngày 26/11/2012 được ký kết (bảo lãnh cho hợp đồng vay nào, trong thời điểm ngày 26/11/2012 ông Nguyễn Văn V chưa vay khoản nào tại Ngân hàng, ông Nguyễn Bé N1 hoàn toàn không biết và không chịu trách nhiệm (bảo lãnh); Theo báo cáo trước khi vay của cán bộ “Đăng Việt H”, báo cáo là có giấy Ủy quyền nhưng hồ sơ không thể hiện. Đại diện ông N1 yêu cầu Hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba, được ký kết số KH 427/HĐTC ngày 26/11/2012 giữa Ngân hàng N5, chi nhánh T với ông Nguyễn Bé N1 là vô hiệu; Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Bé N1 có nghĩa vụ trả nợ thay cho ông Nguyễn Văn V các hợp đồng tín dụng. Vì các khoản vay này không liên quan đến ông Nguyễn Bé N1; Yêu cầu Ngân hàng trả lại bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C145798 do UBND huyện T cấp cho ông Nguyễn Bé N1.

* *Nguyễn Hồng K1 trình bày:* Vào năm 2002 cha bà là ông Nguyễn Bé N1 và mẹ là bà Nguyễn Thị Đ, có hợp tất cả các con lại để phân chia đất cho các con, ông N1 có cho bà phần đất nông nghiệp (nuôi tôm) diện tích 2.592m², vị trí nằm tại

thửa số 0425 tờ bản đồ số 02 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Bé N1 đứng tên, phần đất Nguyễn Hồng K1 được hưởng tiếp giáp thửa 0427; phần đất vườn (đất trồng cây lâu năm) diện tích khoảng 210m², (ngang 7 mét dài 30 mét) tại ấp K xã K, huyện T; Ngoài phần đất cho các con, cha mẹ bà tuyên bố giao phần đất còn lại, đất thổ cư, đất vườn cho em tên Nguyễn Minh K2 quản lý, canh tác, phụng dưỡng, thờ cúng ông bà. Lý do là cha bà định cho ông Nguyễn Văn V mượn Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất để thế chấp vay vốn Ngân hàng, ngoài ra cha bà không có đến Ngân hàng ký thế chấp. Vậy bà yêu cầu Tòa án buộc Ngân hàng A1 trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông N1 đứng tên để ông tách quyền sử dụng cho bà.

* Bà Nguyễn Hồng N2 trình bày: Qua lời trình bày của bà K1 là đúng bà thống nhất theo ý kiến của bà K1, nay bà yêu cầu Tòa án buộc Ngân hàng A1 trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông N1 đứng tên để ông tách quyền sử dụng cho bà.

* Nguyễn Minh K2 Trình bày: Lời trình bày của bà K1 và bà N2 là đúng, ông không trình bày thêm chỉ yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu Ngân hàng, về việc buộc ông Nguyễn Bé N1 cùng thanh toán nợ cho ông V, yêu cầu Ngân hàng trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cha ông là ông Nguyễn Bé N1 để cha ông tách quyền sử dụng ra cho chị em ông.

- Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29/01/2021, thể hiện:

+ Quyền sử dụng đất diện tích 26.700 m² thửa đất số 0390, 0425, 0435, 0436 – tờ bản đồ số 02 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ 06960 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Minh Hải cấp cho ông Nguyễn Bé N1 ngày 20/12/1995; tại thửa số 394 có 02 căn nhà tạm được xây dựng năm 1995, ngang 5 mét, dài 12 mét, kết cấu khung gỗ địa phương, mái lợp tol xi măng, vách tol thiết, nền lót gạch tàu; Căn 02 ông Nguyễn Minh K2 với bà Huỳnh Thị T2 quản lý, nhà tạm, xây dựng năm 2012, ngang 7 mét, dài 7 mét, kết cấu khung gỗ địa phương, mái lợp tol xi măng, vách dùng lá, nền gạch tàu.

Tại đơn yêu cầu xác nhận ngày 20/12/2021 của ông Nguyễn Văn V thể hiện như sau: Trong quá trình hoạt động chiếc xe hiệu VINASUKI biển kiểm soát 69C-00806 bị chìm xuống sông bị hư hỏng không sử dụng được nên bán phế liệu 15.000.000 đồng; 01 xe hiệu THACOFOTON, biển kiểm soát 69C-00516, chiếc xe này bị hư hỏng nặng không còn hoạt động được vào năm 2020 bán phế liệu 10.000.000 đồng.

- Theo công văn số: 251/CV-PC09 ngày 28/8/2022 về việc từ chối giám định của Phòng K3 Công an tỉnh C: Qua nghiên cứu các tài liệu gửi đến giám định thì nhận thấy không đủ cơ sở kết luận quyết định trưng cầu giám định.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2022/KDTM-ST ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N5 (A1).

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn V – DNTN dịch vụ xây dựng D phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N5 số tiền 1.922.957.472 đồng, (trong đó vốn 731.000.000 đồng và lãi 1.191.957.472 đồng) tính đến ngày 09/11/2022, theo hợp đồng tín dụng số: KD KB 15/HĐTD, vào ngày 15/01/2013; hợp đồng số KD KB

16/HĐTD, ngày 25/01/2013; Hợp đồng số KD KB 151/HĐTD, ngày 21/6/2013 tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- Tiếp tục duy trì tài sản thế chấp để đảm bảo việc thi hành án cho Ngân hàng N5 (A1); Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số phát hành C145798/HĐTC ngày 20/12/1995 và hợp đồng thế chấp số: KH427/HĐTC ngày 26/11/2012 được ký kết giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Bé N1 để thi hành án. (Trong đó: Phạm vi bảo đảm của ông Nguyễn Bé N1 với số tiền gốc 400. 500.000 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ).

- Trường hợp ông Nguyễn Bé N1 thanh toán xong toàn bộ số nợ trên phạm vi bảo đảm của mình, thì Ngân hàng N5 có trách nhiệm xóa thế chấp và trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Nguyễn Bé N1.

Về án phí: Nguyên đơn được hoàn lại, bị đơn phải chịu án phí số tiền 69.688.724 đồng (sáu mươi chín triệu sáu trăm tám mươi tám ngàn bảy trăm hai mươi bốn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo.

- Ngày 25/11/2022 Ông Nguyễn Thanh V1 là bị đơn trong vụ án kháng cáo, Nguyễn Hồng K1, Nguyễn Hồng N2, Nguyễn Minh K2, Nguyễn Bé N1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vụ án kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ý kiến của nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Văn V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bé N1, Nguyễn Hồng K1, Nguyễn Hồng N2, Nguyễn Minh K2.

Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2022/KDTM-ST ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn V không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Đối với hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hoàn toàn giả mạo, nên không buộc ông N1 phải xử lý tài sản thế chấp. Vì ông Nguyễn Bé N1 và bà Nguyễn Thị Đ là cha, mẹ ông hoàn toàn không có ký thế chấp quyền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ngân hàng đang giữ là do ông đưa cho cán bộ Ngân hàng tên là Đặng Việt H nhờ làm thủ tục để vay tiền. Ngân hàng đã xác nhận và lập hợp đồng thế chấp giả mạo chữ ký, không đúng thực tế cha mẹ ông hoàn toàn không có ký thế chấp, nên bản án sơ thẩm buộc xử lý tài sản thế chấp và buộc ông Nguyễn Bé N1 có trách nhiệm

thanh toán phần bảo đảm thế chấp, ông không đồng ý. Đối với khoản tiền vay Ngân hàng ông cho là chỉ thực nhận tổng cộng 615.000.000đ.

Kháng cáo của ông Nguyễn Bé N1, Nguyễn Minh K2, Nguyễn Hồng N2, Nguyễn Hồng K1 cho là Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ký kết ngày 26/11/2012 là giả mạo chữ ký không đúng thực tế. Ông N1, bà Đ hoàn toàn không có ký thế chấp và cũng không có ai thẩm định phần đất này, phần đất này năm 2010 cha mẹ có chia cho các con là anh K2, chị N2, chị K1, trên đất có 1 căn nhà chính và 1 căn nhà phụ. Ông N1 không đồng ý về việc buộc ông có trách nhiệm thanh toán phần nợ bảo đảm cho Doanh nghiệp.

[2] Xét thấy tại đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn V, ông thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng nông nghiệp là đúng về trách nhiệm thanh toán, ông cho là năm 2015 Doanh nghiệp tư nhân D đã bị phá sản và giải thể ông có trình báo với Ngân hàng và phòng kinh tế. Tài sản thế chấp và hình thành trong tương lai là hai xe ô tô hiệu VINAXUKI và THACO nhưng Ngân hàng N5 chỉ nhánh huyện T hoàn toàn không xử lý mà bỏ mặc. Xét thấy việc vay nợ Ngân hàng được ông thừa nhận là hoàn toàn đúng với các khoản vay theo 3 hợp đồng, nhưng ông cho là chỉ nhận tổng cộng số tiền 615.000.000đ. Vấn đề này ông V trình bày là không có căn cứ vì theo hợp đồng các lần vay đều được thể hiện bằng văn bản chứng từ. Khi vay bên vay là Doanh nghiệp tư nhân D do ông Nguyễn Văn V làm Chủ doanh nghiệp, theo Luật Doanh nghiệp qui định thì Chủ doanh nghiệp là cá nhân phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của doanh nghiệp đối với các khoản nợ. Tại Công văn số 24/CV-ĐKKD ngày 07/02/2023 của Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh C xác nhận Doanh nghiệp tư nhân D đã bị thu hồi giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và đã bị xóa tên trên hệ thống thông tin đăng ký quốc gia. Do đó ông Nguyễn Văn V phải có nghĩa vụ trách nhiệm thanh toán khoản nợ do Doanh nghiệp vay là có căn cứ. Ông cho là năm 2015 Doanh nghiệp bị phá sản, giải thể việc phá sản giải thể phải được cơ quan có thẩm quyền Tòa án tuyên bố phá sản, xử lý công nợ, nghĩa vụ của Doanh nghiệp, không phải tự Doanh nghiệp tuyên bố phá sản, sau đó không thanh toán các khoản nợ là không đúng. Do đó bản án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn V – Chủ Doanh nghiệp tư nhân D có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp. Đối với khoản nợ tính đến ngày 9/11/2022 tổng số tiền vốn và lãi là 1.922.957.472đ là đúng (trong đó vốn là 731.000.000đ lãi là 1.191.957.472đ).

[3] Đối với 02 chiếc xe hiệu VINASUKI biển kiểm soát 69C-00806 bị chìm xuống sông bị hư hỏng không sử dụng được, nên bán phế liệu 15.000.000 đồng; 01 xe hiệu THACOFOTON, biển kiểm soát 69C- 00516, chiếc xe này bị hư hỏng nặng không còn hoạt động được vào năm 2020 bán phế liệu 10.000.000 đồng, là tài sản thế chấp của Ngân hàng, tại phiên tòa ông N người đại diện Ngân hàng không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi thế chấp tài sản xe VINAXUKI đồng sở hữu là chị Mã Xíu H1 là vợ của ông Nguyễn Văn V. Án sơ thẩm không đưa chị H1 tham gia tố tụng. Nhưng do Ngân hàng không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là xe VINASUKI và xe hiệu THACOFOTON nên không cần thiết phải đưa bà H1 tham gia tố tụng.

[4] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số KH427/HĐTC ngày 26/11/2012 bên nhận thế chấp là Ngân hàng, bên thế chấp là ông Nguyễn Bé N1

và bà Nguyễn Thị Đ, tài sản thế chấp trị giá là 400.500.000đ phần đất diện tích 26.700m² gồm thửa 0390,0425,0435,0436 loại đất thổ cư và đất trồng lúa tại ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau, thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Đ, bà N1 là vợ chồng, theo báo cáo trước khi vay của cán bộ Ngân hàng “Đặng Việt H”, báo cáo là có giấy Ủy quyền nhưng hồ sơ không thể hiện. Tại hợp đồng thế chấp bên thứ ba là ông Nguyễn Bé N1 và bà Nguyễn Thị Đ ký. Hợp đồng thế chấp QSD đất được đóng dấu giáp lai của Ngân hàng, nhưng không đúng với số tờ, giáp lai được đóng, cấp sơ thẩm không đối chiếu bản gốc. Tại Công văn số: 251/CV-PC09 ngày 28/8/2022 của Phòng K3 Công an tỉnh C về việc từ chối giám định: Các tài liệu gửi đến giám định thì nhận thấy không đủ cơ sở kết luận, quyết định trưng cầu giám định. Như vậy chưa đủ căn cứ kết luận chữ ký trong hợp đồng thế chấp là do ông N1, bà Đ ký.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vụ án đều khẳng định ông N1 và bà Đ hoàn toàn không có ký thế chấp quyền sử dụng đất. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 26/11/2012 là chữ ký giả mạo. Vì thời điểm này bà Nguyễn Thị Đ bị bệnh tai biến, không thể cầm viết được và bà Đ đã chết tháng 4/2014. Việc vay tiền Ngân hàng diễn ra từ ngày 15/01/2013, đối chiếu Hợp đồng thế chấp ký ngày 26/11/2012 là hoàn toàn mâu thuẫn không phù hợp, đại diện Ngân hàng cũng không chứng minh được việc Doanh nghiệp tư nhân dịch vụ xây dựng D có vay khoản nợ nào trước ngày lập hợp đồng thế chấp. Khi thế chấp quyền sử dụng đất, cũng phải có biên nhận hoặc văn bản chứng minh việc nhận giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại tòa ông H cho là Hợp đồng thế chấp do ông N1 ký tại nhà ông N1, do ông H đem đến nhà, chữ ký của bà Đ Ngân hàng không biết. Như vậy ông N1 không đến Ngân hàng và cũng không đến UBND xã ký thế chấp, UBND xã chỉ xác nhận chữ ký của ông N1, trong khi không có mặt ông N1, theo báo cáo vay vốn của anh H cho là ông N1 có ủy quyền thế chấp, nhưng hồ sơ thế chấp hoàn toàn không thể hiện. Tại phiên tòa ngày 25/4/2023 Ngân hàng cho là anh V có vay trước năm 2012 hồ sơ đã tắt toán. Tòa án đã ngừng phiên tòa để Ngân hàng cung cấp nhưng Ngân hàng không có tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án. Theo lời trình bày của ông N1 khoảng tháng 6/2013 ông H có đến nhà ông N1 kêu ký giấy ủy quyền cho mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng ông N1 không đồng ý ký.

[5] Khi thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất Ngân hàng không đến thực địa phân đất để thẩm định tại chỗ trên đất đó ai đang quản lý, sử dụng. Tại phiên tòa phúc thẩm chị K1, và chị N2 xác định năm 2010 ông N1, bà Đ có cho mỗi người hai công đất, canh tác từ đó đến nay, hiện có bờ bao, riêng biệt. Trên phần đất thế chấp tồn tại căn nhà ông K2 và vợ là bà Nguyễn Thị T3. Do đó hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất KH427/HĐTC ngày 26/11/2012 giữa Ngân hàng N5 với bên thứ ba là ông Nguyễn Bé N1 và bà Nguyễn Thị Đ là vô hiệu. Vì vậy không có căn cứ buộc ông Nguyễn Bé N1 phải có trách nhiệm thanh toán khoản nợ đảm bảo cho ông Nguyễn Văn V – Chủ Doanh nghiệp tư nhân D. Do hợp đồng thế chấp vô hiệu

nên buộc Ngân hàng phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Bé N1.

Từ những phân tích nêu trên nên sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2022/KDTM-ST ngày 14/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm kinh doanh thương mại số 02/2022/KDTM-ST ngày 14/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời. Xét thấy đề nghị này là chưa phù hợp với các phân tích nhận định trên.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn được hoàn lại, bị đơn phải chịu án phí số tiền 69.688.724 đồng (Sáu mươi chín triệu sáu trăm tám mươi tám ngàn bảy trăm hai mươi bốn đồng).

Án phí kinh doanh thương mại phúc phẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn V và chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là Nguyễn Hồng K1, Nguyễn Hồng N2, Nguyễn Minh K2, Nguyễn Bé N1.

Sửa một phần bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2022/KDTM-ST ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N5 (A1).

- Buộc ông Nguyễn Văn V- Chủ doanh nghiệp tư nhân D phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N5 số tiền 1.922.957.472 đồng, (trong đó vốn 731.000.000 đồng và lãi 1.191.957.472 đồng) tính đến ngày 09/11/2022. Tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng.

- Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số KH427/HĐTC ngày 26/11/2012 được ký kết giữa Ngân hàng N5- chi nhánh huyện T với ông Nguyễn Bé N1 bà Nguyễn Thị Đ có xác nhận của UBND xã L, A huyện Trần Văn T1 là vô hiệu.

Buộc Ngân hàng N5- Chi nhánh huyện T có trách nhiệm trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số C 145798 do UBND huyện T cấp cho ông Nguyễn Bé N1 ngày 20/12/1995.(Bản chính)

2. Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn V phải chịu án phí số tiền 69.688.724 đồng (Sáu mươi chín triệu sáu trăm tám mươi tám ngàn bảy trăm hai mươi bốn đồng). Ngân hàng N5 không phải nộp. Ngày 12/8/2019 đã dự nộp tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền 16.620.000đ lai số 0002539 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời. Được nhận lại.

Án phí Kinh doanh thương mại phúc phẩm: Các đương sự Nguyễn Minh K2, Nguyễn Hồng K1, Nguyễn Hồng N2, Nguyễn Văn V không phải nộp. Ông Nguyễn Bé N1 đã được miễn dự nộp. Ngày 09/12/2022 chị N2, anh K2, chị K1, anh Nguyễn Văn V đã dự nộp mỗi người 2.000.000đ lai số (0005880), (0005881), (0005878), (0005879) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Hùng Quang

